

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H1YỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày: 25-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN H1YỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HTH1yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà H1lynh Thị Thành - Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh H1yện Đ, tỉnh Gia Lai.
2. Ông Lưu Thông - Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 3 thị trấn Đak Đoa, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Thạch - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân H1yện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1yện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị TH1 Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân H1yện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

1. N - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/7/2006 tại tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Banar; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông H và bà H1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm tạm giữ, sau đó cH1yển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an H1yện Đ từ ngày 11-3-2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. N1 - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 13/01/1998 tại tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Banar; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Lanh và bà C; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 10-3-2024, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 20-3-2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an H1yện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp tạm giữ sau đó cH1yển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an H1yện Đ từ ngày 11-3-2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. H-Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/3/2003 tại tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, Hluyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Banar; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông B và bà H2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 10-3-2024, thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 20-3-2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hluyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp tạm giữ sau đó cHluyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Hluyện Đ từ ngày 11-3-2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. W - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/01/2006 tại tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Làng K, xã H, Hluyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Banar; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông V (Đã chết) và bà: Trih; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 10-3-2024, thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 20-3-2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hluyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp tạm giữ sau đó cHluyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Hluyện Đ từ ngày 11-3-2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Siu V - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15-8-1996 tại tỉnh Kon Tum; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông A Siu H3 bà A Na W; Bị cáo sống cHlng như vợ chồng với Y Siu L và có hai người con cHlng sinh năm 2021 và 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 10-3-2024, thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 20-3-2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hluyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp tạm giữ sau đó cHluyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Hluyện Đ từ ngày 11/3/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Người bào chữa cho các bị cáo N,W1: Ông Hlỳnh Văn K - Luật sư trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Địa chỉ: D L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. H1, sinh ngày 13-8-2009; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, Hluyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp H1: Bà A (mẹ đẻ của H4), địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, Hluyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. P, sinh ngày 12-3-2007; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, Hluyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của P: Bà P1-sinh năm: 1982 (mẹ đẻ của P), địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, Hluyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. H2, sinh ngày 17-12-2008; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, Hluyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của H2: Bà M-sinh năm: 1980 (mẹ đẻ của H5), địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. H3, sinh ngày 01-01-1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. T, sinh ngày 03-6-2008; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của T: Ông N1 (bố đẻ của T), địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. P1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

7. SIU L, sinh ngày 20-8-1998; địa chỉ: Thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

8. A SIU H4, sinh ngày 16-7-1973; địa chỉ: Thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

9. Y SIU L1, sinh ngày 02-12-2003; địa chỉ: Thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

-*Người phiên dịch*: Ông **A1**-Cán bộ hưu trí; địa chỉ: Thôn P, thị trấn Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 10-03-2024, N điều khiển xe mô tô biển số 81V1- 012.01 chở H1 đi chơi, khi đi đến ngã tư đường th1ộc thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì gặp H6 đang ngồi chơi tại đây nên N dừng xe mô tô lại và đưa cho H một đoạn ống thủy tinh, một bình ga mini có gắn đầu khò bên trên và nhờ H uốn cong đoạn ống thủy tinh, H hỏi N “*thôi để làm gì*” thì N trả lời “*để dành khi nào sử dụng ma túy thì lấy ra sử dụng*” nên H6 đồng ý. Sau khi uốn xong ống thủy tinh thì H6 đưa lại cho N, N cất ống thủy tinh vào trong cốp xe mô tô biển số 81V1-012.01. H1 hỏi N “*tối nay có chơi không*” (tức là có sử dụng ma túy không) thì N trả lời “*có*”. Sau đó, N chở H1 đi đến quán P2 thuộc Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để uống rượu. Tại quán P2, N, H1 gặp N1, W và H2 đang uống rượu. Do có quen biết với nhau từ trước nên N1 nói N và H1 ngồi uống rượu chung với nhau. N1, N, H1, H2 và W ngồi uống rượu cH1ng với nhau được khoảng 20 phút thì nhìn thấy H6 đi một mình đến quán P2 nên N2 nói với H6 vào ngồi uống rượu cH1ng với mọi người. Trong quá trình uống rượu thì N hỏi H1 “*tối nay có chơi không*” (tức là có sử dụng ma túy không) thì N trả lời “*có*”, N quay sang hỏi N1 “*có góp tiền mua đồ không*” thì N1 hỏi lại N “*mua bao nhiêu ma túy*”, N trả lời “*mua 250.000 đồng*”, N1 nói tiếp “*góp tiền mua chung luôn đi*”. Riêng H3, H, W tập trung xem điện thoại nên không nghe thấy N1, N, H1 nói về việc mua ma túy về sử dụng.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi uống rượu xong thì N1, N, H1, W, H, H MÂN đi về. Khi đi đến phía trước sân của quán P2, N1 hỏi W “*góp tiền mua đồ về sử dụng*

không” (tức là góp tiền mua ma túy về sử dụng) thì W1 đồng ý và đưa số tiền 200.000 đồng cho N1 (khi W đưa tiền cho N1 thì không có ai nhìn thấy). Do H1 đi cùng xe mô tô với N nên H1 đưa cho N số tiền 120.000 đồng để góp tiền ma túy (khi đưa tiền thì không ai nhìn thấy). Khi N1, N, H1, W, H, H2 đi đến ngã tư đường thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì gặp T, P và H2 cùng trú tại thôn Đ, xã Đ, H1 huyện Đ, tỉnh Gia Lai đang mua đồ tại quán tạp hóa nên dừng lại nói chuyện. H3 đứng nói chuyện với T, P, H2. Còn N1, N, H1, W đứng nói chuyện riêng với nhau, N1 hỏi mượn xe mô tô của H để đi mua ma túy, H6 đồng ý và nói với N1 “*tao cho mượn xe, tý đi mua về cho tao chơi chung với*” (tức là H biết N1 đi mua ma túy và đồng ý cho mượn xe với điều kiện N1 đi mua ma túy về thì phải cho H6 sử dụng ma túy cùng) thì N1 đồng ý. Sau đó, N1 hỏi N “*giờ đi mua đồ ở đâu*” (tức là mua ma túy ở đâu) thì N trả lời “*đi qua Kon Tum có chỗ bán*” rồi N1 điều khiển xe mô tô 81B2-95607 của H chở N đi mua ma túy còn H3 rủ T, P, H2, H, H1, W tiếp tục đi đến quán P2 để uống nước. Trong quá trình uống nước tại quán P2 thì không nói chuyện gì liên quan đến việc mua ma túy và sử dụng ma túy. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, quán P2 đóng cửa nên H3, T, P, H2, H, H1, W đến nhà bà P1 (mẹ của P) để chơi.

Trên đường đi mua ma túy thì N1 dừng xe mô tô tại một quán tạp hóa không có bảng hiệu thuộc Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để N mua thuốc lá và 01 quẹt gas hết 20.000 đồng. Sau khi mua xong, N đưa cho N1 số tiền 200.000 đồng để mua ma túy (trong đó tiền của N là 100.000 đồng, của H1 là 100.000 đồng). Cả hai đi đến nhà của Siu V1 tại thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum để mua ma túy. Khi đi đến nhà S thì N1, N nhìn thấy Siu L1 và A D cùng trú tại thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum đang ngồi xem điện thoại ở phòng khách. N1 và N đi vào phòng ngủ của Siu V1 nhìn thấy Siu V1 đang xem điện thoại, N hỏi Siu V1 “*lâu rồi không gặp anh, anh còn đồ không*” (tức là còn ma túy không) thì Siu V1 trả lời “*có*”. N1 nói với Siu V1 “*bán cho em 600.000 đồng tiền đồ*” (tức là bán cho 600.000 đồng tiền ma túy) thì Siu V1 đồng ý và đưa cho N1 01 (một) gói nilon bên trong có chứa ma túy đá, N1 đưa cho Siu V1 số tiền 600.000 đồng và nhờ Siu V1 chia gói ma túy thành 02 gói nhỏ thì Siu V1 đồng ý chia rồi đưa lại 02 gói ma túy đá cho N1. N1 cất 02 gói ma túy vào túi áo khoác và nói với N mục đích chia thành 02 gói ma túy là một gói ma túy N1 và N cất giữ để sử dụng riêng còn một gói ma túy về sử dụng chung thì N đồng ý rồi cả hai đi về. Khi A D mở cửa cho N1 và N đi về thì N hỏi A D “*anh có đồ không bán cho 100.000 đồng tiền ma túy*”, A D đồng ý và lấy từ trong túi quần A D đang mặc trên người đưa cho N 01 (một) túi nilon bên trong có chứa ma túy đá, N cất gói nilon chứa ma túy vào túi nhỏ bên phải phía trước quần Jean bên phải của mình và đưa cho A D số tiền 100.000 đồng (theo lời khai của N). N1 đi trước N nên không biết việc N mua ma túy của A D.

Trên đường đi về thì H sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên “H Hồ” gọi điện qua ứng dụng M1 đến tài khoản Facebook “Phạm Dol” của N hỏi N “*về chưa*”, N trả lời

“gần về rồi, đang ở đâu vậy” thì H trả lời “đang ở nhà P1”. Sau đó, N1 và N bàn bạc với nhau sẽ chọn địa điểm lô cao su cách nhà P1 khoảng 300m để làm địa điểm tổ chức sử dụng ma túy.

Đến khoảng 00 giờ ngày 11-3-2024, N và N1 về đến nhà bà P1 thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Do bà P1 không ở nhà nên N1 và N quyết định sẽ sử dụng ma túy tại nhà bà P1. N lấy nỏ thủy tinh trong cốp xe mô tô biển số 81V1 – 012.01 mang vào nhà còn H1 đi ra sân nhà lấy 01 chai nhựa nhãn hiệu Sting và đổ nước vào chai; N lấy lò xo trong quạt ga rồi dùng giấy bạc quấn tim quạt lại và đục lỗ trên nắp chai nhựa nhãn hiệu Sting và cho ống hút vào nỏ thủy tinh tạo thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. N1 lấy từ trong túi áo ra một quạt ga cùng 01 kéo y tế để ở trên nệm và 01 gói ma túy đưa cho H6, H đưa gói ma túy cho N (01 gói nilon chứa chất ma túy để sử dụng cùng N vẫn ở bên trong túi trong bên trái áo khoác N1 đang mặc). Sau khi cH1 lần bị dụng cụ sử dụng ma túy xong thì N1, H, H1, W, N ngồi xung quanh trên sàn nhà trong phòng khách. P đang ngồi chơi điện thoại nên N nói với P3 “qua đây ngồi chơi chung” (tức là rủ P sử dụng ma túy), N2 nói với H2 “có chơi không” thì P và H5 đồng ý ngồi xuống sử dụng ma túy. N1 lấy một quạt ga đốt nóng chảy ma túy rồi đưa cho N, N sử dụng rồi đốt cho N1, H, H1, W, P, H2 sử dụng, mỗi người sử dụng được 02 lần và đã dùng hết phần ma túy trong 01 gói nilon mà N1 lấy ra. Còn H MÂN và T nằm ngủ không sử dụng ma túy.

Đến khoảng 01 giờ ngày 11-3-2024, khi H, H1, N1, P, H2, W, N đang sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Đ phối hợp Công an xã Đ, huyện Đ, Gia Lai kiểm tra bắt quả tang tH1 giữ các vật chứng gồm: 01 gói nilon bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể tại vị trí túi trong bên trái áo khoác của N1 được niêm phong trong “Phong bì số 1”; 01 gói nilon bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể tại vị trí túi nhỏ bên phải phía trước quần Jean của N được niêm phong trong “Phong bì số 2”; 01 (một) chai nhựa nhãn hiệu Sting có nắp nhựa màu xanh lá cây có hai lỗ; bên trên có gắn 01 (một) ống nhựa thủy tinh trong suốt; 01 (một) bình gas mini màu đỏ, bên trên gắn đầu khò; 01 (một) đoạn ống thủy tinh (đã bị vỡ); 01 (một) quạt gas; 01 (một) quạt gas màu xanh dương; 01 (một) lò xo được quấn giấy bạc bên ngoài; 01 (một) cái kéo; 01 (một) xe mô tô biển số 81B2-95607.

Trên cơ sở lời khai của N và N1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Siu V1 tại thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum và H1 giữ 01 ống thủy tinh (một đầu uốn cong, một đầu phình to). Tại Cơ quan Công an huyện Đ, N, N1 và Siu V1 đã khai nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho N và N1.

Qua test nhanh chất ma túy thì Siu V1, SIU L H, H1, N1, P, H2, W, N dương tính ma túy, loại Methamphetamine.

Theo lời khai của bị cáo Siu V1: Nguồn gốc số ma túy mà bị cáo bán cho N và N1 là do vào ngày 09-3-2024 Siu V1 đi đến nhà trọ tH1 ở thành phố K, tỉnh Kon Tum mua 01 gói nilon bên trong có chứa ma túy, loại ma túy đá với giá 500.000 đồng của một người tên H7 (không

rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi mua ma túy về thì Siu V1 sử dụng một ít, còn lại thì bán cho N và N1.

Quá trình điều tra, Siu L1 khai nhận: Vào ngày 09-3-2024, Siu L1 đi đến nhà Siu V1 H không thấy Siu V1 ở nhà, thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong có ma túy nên Siu L1 đã sử dụng ma túy, việc Siu L1 sử dụng ma túy tại nhà Siu V1 thì không có ai biết. Siu L1 không biết việc Siu V1 bán ma túy cho N và N1, Siu L1 không sử dụng ma túy cùng N và N1 tại nhà Siu V1.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số 307/KL-KTHS ngày 19-3-2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Gia lai kết luận:

- *Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon, được niêm phong trong “Phong bì số 01” (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1380 gam.*

- *Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon, được niêm phong trong “Phong bì số 02” (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0581 gam.*

- *Đoạn ống thủy tinh, uốn cong, một đầu phình to (bị bể vỡ), trong túi niêm phong “Mã số PS3A 079163” (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) có bám dính ma túy, loại Methamphetamine, không cân được khối lượng chất bám dính.*

- *Đoạn ống thủy tinh, uốn cong, một đầu phình to (bị bể vỡ), trong túi niêm phong “Mã số PS3A 2304339” (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) có bám dính ma túy, loại Methamphetamine, không cân được khối lượng chất bám dính.*

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 gói nilon còn lại sau giám định có khối lượng 0,1159 gam và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 bì công văn có đặc điểm mặt trước ghi phong bì số 01 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8; chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 gói nilon còn lại sau giám định có khối lượng 0,0395 gam và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 bì công văn có đặc điểm mặt trước ghi phong bì số 02 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THẬT HÌNH

03/2024”, và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8; 01 (một) đoạn ống thủy tinh, uốn cong có một đầu phình to, bị bể vỡ tH1ộc túi niêm phong mã số PS3A079163 cũng vô bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh G có đặc điểm mặt trước ghi mã số PS3A07916 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19/03/2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị Thanh H8; 01 (một) đoạn ống thủy tinh, uốn cong có một đầu phình to, bị bể vỡ tH1ộc túi niêm phong mã số PS3A2304339 cùng vô bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh G có đặc điểm mặt trước ghi mã số PS3A2304339 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8; 01 chai nhựa nhãn hiệu Sting có nắp nhựa màu xanh lá cây có hai lỗ, bên trên có gắn 01 ống nhựa màu trắng; 01 bình gas mini màu đỏ, bên trên có gắn đầu khò; 01 quẹt ga màu trắng; 01 quẹt ga màu xanh dương; 01 lò xo được quấn giấy bạc bên ngoài; 01 kéo y tế; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, số IMEI 1: 865251030094398, số IMEI 2: 865251030094380; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone số IMEI 1: 358612071556641, số IMEI 2: 358612071556664. Đây là vật chứng của vụ án nên cH1uyển đến Chi cục thi hành án dân sự H1uyện Đ để phục vụ công tác xét xử.

- Đối với xe mô tô biển số 81B2-956.07, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn đen và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81B2-956.07. Qua điều tra, xác định chủ sở hữu là ông B, ông B không biết H sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô biển số 85V5-1772, nhãn hiệu Sonka màu sơn đen và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 030658. Qua điều tra, xác định chủ sở hữu là K1, K1 không biết N1 sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô biển số 81V1-012.01, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007355. Qua điều tra, xác định chủ sở hữu là H9, H9 không biết N sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô biển số 24P4-7400, nhãn hiệu Geni và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 026794. Qua điều tra, xác định chủ sở hữu là T3, T3 không biết W sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, số máy V2027, số IMEI 1: 862310055957690, số IMEI 2: 862310055957682 của S. Qua kiểm tra thông tin trên điện thoại di động không phát hiện thông tin liên quan đến việc mua bán ma túy. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo Siu V1 đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ nên cần chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự Huyện Đ để phục vụ công tác xét xử.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 22-8-2024 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo N và N1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo H6 và W về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Siu V1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo N với mức án tù từ 06 (sáu) năm tù đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo N1 với mức án tù từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo N với mức án tù từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo N1 với mức án tù từ 16 (mười sáu) tháng tù đến 20 (hai mươi) tháng tù “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, đề nghị:

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội với mức án tù từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo N2 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội với mức án tù từ 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù đến 09 (chín) năm 02 (hai) tháng tù.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo H6 với mức án tù từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo W1 với mức án tù từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo Siu V1 với mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự đề nghị, tịch tH1 tiêu hủy:

-01 bì thư niêm phong ký hiệu “phong bì số 01”. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi phong bì số 01 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI*PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8;

-01 bì thư niêm phong ký hiệu “phong bì số 02”. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi phong bì số 02 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI*PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8;

-01 bì thư niêm phong ký hiệu mã số PS3A079163. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi mã số PS3A 07916 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI *PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị Thanh H8;

-01 (một) đoạn ống thủy tinh, uốn cong có một đầu phình to, bị bể vỡ tH1ộc túi niêm phong mã số PS3A2304339 cùng vỏ bao gói.

-01 bì thư niêm phong ký hiệu số PS3A2304339. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi mã số PS3A 2304339 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI* PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8;

-01 (một) chai nhựa nhãn hiệu Sting có nắp nhựa màu xanh lá cây có hai lỗ; bên trên có gắn 01 (một) ống nhựa thủy tinh trong suốt;

-01 (một) bình gas mini màu đỏ, bên trên có gắn đầu khò;

-01 (một) quẹt ga màu trắng (đã hư hỏng);

-01 (một) quẹt ga màu xanh dương (đã hư hỏng);

-01 (một) lò xo được quấn giấy bạc bên ngoài;

-01 (một) cái kéo y tế;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, số IMEI 1: 865251030094398, số IMEI 2: 865251030094380; Tình trạng máy hư hỏng bề màn hình.

-01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone số IMEI 1: 358612071556641, số IMEI 2: 358612071556664. Tình trạng máy đã hư hỏng.

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, số máy V2027, số IMEI 1: 862310055957690, số IMEI 2: 862310055957682. Tình trạng máy không hoạt động, đã hư hỏng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo N và W trình bày quan điểm bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và đề nghị cho bị cáo W được miễn nộp tiền án phí vì gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 10-3-2024, N, N1, W và đối tượng H1 cùng bàn bạc, góp tiền để N, N1 sử dụng xe mô tô của H đi đến xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum để mua của Siu V1 01 gói ma túy, loại Methamphetamine với số tiền 600.000 đồng rồi chia làm 02 gói nhỏ để sử dụng. Ngoài ra, N còn mua của A D 01 gói ma túy, loại Methamphetamine có trọng lượng 0,0581 gam với số tiền 100.000 đồng.

Đến khoảng 00 giờ ngày 11-3-2024, tại thôn Đ, xã Đ, Đ, Gia Lai, N, N1, H, W tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng các đối tượng H1, P, H2 thì bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng gồm: bộ D1 sử dụng ma túy; 0,1380 gam ma túy Methamphetamine trong người N1 và 0,0581 gam ma túy Methamphetamine trong người N.

Hành vi góp tiền mua ma túy về tàng trữ để sử dụng và tổ chức cho người khác cùng sử dụng của các bị cáo N, N1, H, W thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách, quy định của Nhà nước trong việc quản lý, cất giữ chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, gây nên sự bất ổn trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo tổ chức cho nhiều người sử dụng ma túy, trong đó có H1 (Sinh ngày 13-8-2009), P (Sinh ngày 12-3-2007), H2 (Sinh ngày 17-12-2008) là người từ đủ 13 đến dưới 18 tuổi nên

hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi tàng trữ trái phép 0,196 gam ma túy, loại Methamphetamine do bị cáo N thực hiện và tàng trữ trái phép 0,1380 gam ma túy, loại Methamphetamine do bị cáo N1 thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các chính sách, quy định của Nhà nước trong việc quản lý, cất giữ chất ma túy; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo N và N1 đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi bán trái phép 0,1380 gam ma túy, loại Methamphetamine để tH1 lợi bất chính số tiền 600.000 đồng do bị cáo Siu V1 thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội, tội phạm hình sự, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa cH1ng cho xã hội.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội nH giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể không có sự câu kết chặt chẽ nên chỉ là vụ án đồng phạm tH1ộc trường hợp giản đơn.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo W1 là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn, gia đình tH1ộc hộ nghèo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi phạm tội bị cáo N chưa đủ 18 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự.

[4]. Về vật chứng:

-Đối với chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 gói nilon còn lại sau giám định có khối lượng 0,1159 gam và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 bì công văn có đặc điểm mặt trước ghi phong bì số 01 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8; chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 gói nilon còn lại sau giám định có khối lượng 0,0395 gam và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 bì công văn có đặc điểm mặt trước ghi phong bì số 02 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8; 01 (một) đoạn ống thủy tinh, uốn cong có một đầu phình to, bị bể vỡ tH1ộc túi niêm phong mã số PS3A079163 cũng vô bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh G có đặc điểm mặt trước ghi mã số PS3A07916 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị Thanh H8; **01 (một) đoạn** ống thủy tinh, uốn cong có một đầu phình to, bị bể vỡ tH1ộc túi niêm phong mã số PS3A2304339 cùng vỏ bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh G có đặc điểm mặt trước ghi mã số PS3A2304339 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8; là những vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch tH1 tiêu hủy.

-Đối với 01 chai nhựa nhãn hiệu Sting có nắp nhựa màu xanh lá cây có hai lỗ, bên trên có gắn 01 ống nhựa màu trắng; 01 bình gas mini màu đỏ, bên trên có gắn đầu khò; 01 quẹt ga màu trắng; 01 quẹt ga màu xanh dương; 01 lò xo được quấn giấy bạc bên ngoài; 01 kéo y tế; là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch tH1 tiêu hủy.

-Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, số IMEI 1: 865251030094398, số IMEI 2: 865251030094380 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone số IMEI 1: 358612071556641, số IMEI 2: 358612071556664, là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch tH1 sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, số máy V2027, số IMEI 1: 862310055957690, số IMEI 2: 862310055957682 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho bị cáo Siu V1.

[5]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về vấn đề khác:

Đối với H1 (Sinh ngày 13-8-2009) góp số tiền 120.000 đồng để mua ma túy về sử dụng và cH1 lần bị công cụ để sử dụng ma túy có dấu hiệu tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội H1 được 14 năm 6 tháng 27 ngày tuổi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của H1, Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với P và H2 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của P và H2 vào ngày 28-7-2024.

Đối với H3 và T không sử dụng ma túy và không biết việc các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà bà P1. Do đó, không xử lý về hành vi không tố giác tội phạm là đúng quy định.

Đối với P1 (mẹ của P) là chủ sở hữu căn nhà tại thôn Đ, xã Đ, H1yện Đ, tỉnh Gia Lai (nơi các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy). Tuy nhiên, tại thời điểm các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy bà P1 không ở căn nhà này mà đang ngủ tại căn nhà của mình sát bên cạnh nên không biết việc các bị cáo sử dụng ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy. Nên, không có căn cứ xử lý.

Đối với B (bố của H6) là chủ sở hữu xe mô tô biển số 81B2-95607 là người giao xe mô tô để H sử dụng làm phương tiện đi lại nH không biết việc H cho N1 và N mượn đi mua ma túy về sử dụng nên không có căn cứ xử lý.

Đối với H10, H11 (bố, mẹ của N): Không biết việc N cất giấu nỏ thủy tinh, không biết việc N tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Siu L1 (em trai S) không biết việc Siu V1 bán ma túy cho N1 và N. Qua làm việc, Siu L1 khai nhận vào ngày 09-3-2024, Siu L1 đi đến nhà Siu V1 nH không thấy Siu V1 ở nhà, thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bên trong có ma túy nên Siu L1 đã sử dụng ma túy. Việc sử dụng ma túy tại nhà Siu V1 thì không có ai biết. Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Siu L1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với A D: Theo lời khai của N thì N mua 0,058 gam ma túy, loại Methamphetamine của A D với số tiền 100.000 đồng. Việc N mua ma túy của A D không có ai chứng kiến. Hiện nay, A D không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì gia đình và chính quyền địa phương không biết, không xác định được nơi cư trú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an H1yện Đ và Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với A Siu H3 (bố ruột của S) là chủ sở hữu căn nhà tại thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nơi Siu V1 bán ma túy cho N, N1, Siu L1 và Siu V1 sử dụng trái phép chất ma túy). Tuy nhiên ông A Siu H3 không ở nhà, không biết việc Siu V1 sử dụng làm nơi bán ma túy và sử dụng ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Y Siu L (sống chung như vợ chồng với Siu V1) tại nhà ông A Siu H3 thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vào ngày 10/3/2024, Y Siu L ngủ trong phòng nên không biết việc Siu V1 bán ma túy và cũng không biết Siu V1 sử dụng ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng tên H7 là người mà Siu V1 khai đã bán ma túy cho Siu V1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã tiến hành xác minh tại phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum nh hiện nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo N và N1 phạm tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* và tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*; các bị cáo H6 và W phạm tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* và bị cáo Siu V1 phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

2. Về hình phạt:

-Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo N 06 (sáu) năm tù về tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*.

-Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo N2 07 (bảy) năm tù về tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*.

-Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo N 12 (mười hai) tháng tù về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

-Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo N1 16 (mười sáu) tháng tù về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

-Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Tổng hợp hình phạt, bị cáo N phải chấp hành hình phạt của cả hai tội 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (11-3-2024).

Tổng hợp hình phạt, bị cáo N2 phải chấp hành hình phạt của cả hai tội 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (11-3-2024).

-Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo H6 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (11-3-2024).

-Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo W1 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (11-3-2024).

-Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Siu V1 03 (ba) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (11-3-2024).

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự;

-Tịch tH1 tiêu hủy:

+01 bì thư niêm phong ký hiệu “phong bì số 01”. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi phong bì số 01 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI*PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8;

+01 bì thư niêm phong ký hiệu “phong bì số 02”. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi phong bì số 02 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI*PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8;

+01 bì thư niêm phong ký hiệu mã số PS3A079163. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi mã số PS3A 07916 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI *PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị Thanh H8;

-01 (một) đoạn ống thủy tinh, uốn cong có một đầu phình to, bị bể vỡ tH1ộc túi niêm phong mã số PS3A2304339 cùng vỏ bao gói.

+01 bì thư niêm phong ký hiệu số PS3A2304339. Tất cả được niêm phong trong bì C1 Công an tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi mã số PS3A 2304339 và có dòng chữ “số 307/PC09 ngày 19-03-2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K2, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI* PHÒNG KỸ TH1ẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Hoàng Ngọc B1, Bùi Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H8;

+01 (một) chai nhựa nhãn hiệu Sting có nắp nhựa màu xanh lá cây có hai lỗ; bên trên có gắn 01 (một) ống nhựa thủy tinh trong suốt;

+01 (một) bình gas mini màu đỏ, bên trên có gắn đầu khò;

+01 (một) quẹt ga màu trắng (đã hư hỏng);

+01 (một) quẹt ga màu xanh dương (đã hư hỏng);

+01 (một) lò xo được quấn giấy bạc bên ngoài;

+01 (một) cái kéo y tế;

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, số IMEI 1: 865251030094398, số IMEI 2: 865251030094380; Tình trạng máy hư hỏng bề màn hình.

+01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone số IMEI 1: 358612071556641, số IMEI 2: 358612071556664. Tình trạng máy đã hư hỏng.

-Trả lại cho bị cáo Siu V1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, số máy V2027, số IMEI 1: 862310055957690, số IMEI 2: 862310055957682. Tình trạng máy không hoạt động, đã hư hỏng.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24-9-2024 giữa Công an Huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự Huyện Đ).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo N, N1, H và SIU V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Riêng đối với bị cáo W1 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HTH1yên